

Ngôn ngữ văn hóa trong Tuồng Nôm “Liệu đố” (Nguyễn Diêu)

Võ Minh Hải

Võ Thị Thu Hoà

Trường Đại học Quy Nhơn

Email liên hệ: minhhaiquynhon@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung tìm hiểu về cuộc đời, hành trang của nhà biên soạn tuồng Nguyễn Diêu (Bình Định) và những giá trị đặc sắc của vở tuồng *Liệu đố*, một tác phẩm tuồng Nôm tiêu biểu của ông. Từ hướng tiếp cận văn hoá, nghiên cứu *đã khái quát và nêu bật một số nét đặc sắc về ngôn ngữ của tác phẩm Liệu đố*. Qua ngôn ngữ văn hoá, người đọc có thể nhận thấy tác phẩm đã đánh dấu một bước phát triển khá đặc sắc của dòng tuồng Nôm Trung đại nói chung và tuồng Bình Định nói riêng.

Từ khoá: Tuồng Nôm, tuồng Bình Định, ngôn ngữ văn hoá, ngôn ngữ tuồng, Liệu đố.

The cultural language in classical drama *Liệu đố* written by Nguyen Dieu

Abstract: This article focuses on assessing the life of the classical drama composer Nguyen Dieu (Binh Dinh province) and the unique values of the classical drama *Liệu đố* (Treatment of jealousy) – a typical classical drama of his works in Chữ Nôm (Nôm script). From a cultural point of view, we generalize and highlight a number of linguistic features of *Liệu đố*. Through cultural language, readers can find that the work has marked the unique development of the medieval classical drama in Nôm script in general, and the classical drama of Binh Dinh in particular.

Key words: Classical drama in Nôm script, Binh Dinh classical drama, cultural language, the language of classical drama, Liệu đố.

Ngày nhận bài: 20/06/2020

Ngày duyệt đăng: 10/08/2020

1. Đặt vấn đề

Tiến trình lịch sử phát triển của bộ môn nghệ thuật tuồng ở Bình Định nửa cuối thế kỉ XIX đã thực sự gắn liền với tên tuổi của cụ Tú Nhơn Ân (Nguyễn Diêu) và cụ Đào Tấn. Tính đến trước năm 2011, qua sự tìm hiểu của nhóm nghiên cứu và những tư liệu được công bố trong hội thảo về Nguyễn Diêu năm 2012, có thể nhận thấy hầu hết những nghiên cứu văn bản, cuộc đời và sự nghiệp của cụ Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu chưa được quan tâm nghiên cứu một cách chuyên sâu. Hầu hết các bài viết chỉ mang tính chất phiếm đàm, cảm nhận hoặc điểm xuyết trong quá trình nghiên cứu tuồng hát bội nói chung, chưa có công trình nào tập hợp đầy đủ, có tính chất sưu tuyển và bình luận.

Do vậy, việc tiếp cận di sản văn học tuồng của Nguyễn Diêu đã đặt ra nhiều vấn đề đối với những người làm công tác nghiên cứu văn học, Hán Nôm. Những gì chúng ta đã đạt được khi khám phá những di sản này chỉ là bước khởi đầu, phần thô, chứ chưa thể chạm đến giá trị tinh túy mà Nguyễn Diêu đã gửi lại cho đời, nhất là ở phần ngôn ngữ văn hóa, một cứ liệu quan trọng để tìm hiểu phong cách nghệ thuật, quan niệm, tư tưởng sáng tác của cụ Tú. Bài viết này sẽ tìm hiểu vấn đề này một cách cẩn trọng và chuyên sâu hơn.

2. Nguyễn Diêu và vở tuồng Liêu đố

2.1. Nguyễn Diêu – xử sĩ chốn Nho trường Bình Định

Nguyễn Diêu sinh năm 1822, không rõ tên tự, hiệu là Quỳnh Phủ, người thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông sinh trưởng trong một gia đình nghèo nhưng bản tính hiếu học và quyết chí theo khoa cử. Ông đỗ tú tài năm Tự Đức thứ 13 (1860) nên dân gian thường gọi là cụ Tú Nhơn Ân. Ông tiếp tục con đường khoa cử nhưng không thành đạt nên về nhà mượn thơ rượu, lấy trăng thanh, cỏ biếc làm vui. Theo tư liệu điền dã, sau khi đỗ Tú Tài, nhưng vì lý do cá nhân, ông lui về ở ẩn, dạy học và viết tuồng tại quê nhà cho đến khi mất (1880). Ông là vị ân sư khai tâm dạy chữ và cũng chính là người gieo niềm đam mê hát bội (hay còn gọi là Tuồng) cho Mộng Mai Đào Tấn – soạn giả tuồng lỗi lạc của Bình Định, môn sinh đặc ý nhất của cụ Tú.

Trong tiến trình lịch sử phát triển của văn chương Hán Nôm Bình Định, ngoài những nhân vật tiêu biểu như Đào Duy Từ, Đặng Đức Siêu, Hồ Sĩ Tạo,... và Đào Tấn, chúng ta cần nghiên cứu về trứ tác, nhân cách và những ảnh hưởng của Nguyễn Diêu trong văn giới Bình Định. Đây là một trong những tác giả lớn trong tiến trình văn học Bình Định. Ông không chỉ là những nhà hoạt động văn chương nghệ thuật mà phong thái đức độ của ông còn ảnh hưởng đến những tầng lớp sĩ phu Bình Định cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Từ ý thức lịch sử đó, tiếp cận các văn bản Tuồng và thơ của cụ Tú Diêu, chúng ta có thể nhận ra một nhà thơ lớn Nguyễn Diêu. Ông là nhà thơ ưu thời mẫn thế, luôn trần trở với đời.

Nhiều người biết tiếng cụ Tú Nhơn Ân, nhiều tài liệu viết về cụ, nhưng rất sơ sài, cả về tiểu sử lẫn văn nghiệp. Tác phẩm của ông cũng bị thất lạc hầu hết. Hiện nay chỉ còn một số vở tuồng: *Ngũ Hồ Bình Tây* (có người gọi là *Ngũ hồ bình Liêu*), *Liêu đố* (chữa bệnh ghen), *Chém cáo* (*Nguyệt cô hoá cáo*),... một số bài thơ Nôm: *Chán đời*, *An phận*, *Con muỗi*, bài phú *Hàn sĩ vịnh* do cư sĩ Trúc Lâm Bùi Văn Lăng dịch và in lại trong tập *Danh nhân Bình Định* do tác giả tự xuất bản năm 1943.

Về quan điểm nhân sinh và xã hội, có lẽ trong cuộc đời của mình, cụ Tú đã gặp nhiều trắc trở, nhiều nhân vật trong các vở tuồng của ông dường như đã phần nào thể hiện rõ những điều ấy:

*Anh hùng nước bước còn sần,
Đừng dun mày liễu, mà quần ruột lan.*

Chính cụ Nguyễn Diêu thường nói về mình: *"Trăm đều không bằng người nhưng chưa từng có lòng xảo trá, do đó đáng dấp và tinh thần không mệt mỏi, cơm áo thì hơi no đủ cũng là được rồi, nhưng chẳng cần phải nghĩ ngợi nhiều về chuyện có và không"* (Vũ Ngọc Liễu, 2011). Trong gia tài sáng tác của ông, *Hàn sĩ vịnh* là bài Phú có tính chất tự vịnh, vừa nhằm khuyến khích học trò đừng vì nghèo mà thối chí, vừa phải kiên tâm mà dùi mài kinh sử, nhưng cũng cần phải sáng suốt thấy được tình đời, tình người và những điều sâu thẳm hơn trong đó.

Ông không xuất chính và trở thành một dật sĩ là vì một lẽ quan trọng khác. Vào những năm cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp dần củng cố ách đô hộ trên đất nước ta. Trước sự đầu hàng của vua quan nhà Nguyễn, bản thân Nguyễn Diêu tự suy xét thời cuộc, ông cho rằng:

Liếc mắt thấy thế tình đà điên đảo

Lắng tai nghe thời sự quá dờ dang (Hàn sĩ vịnh)

Và chán ngán thế sự:

Văn hay chẳng khỏi nề xanh cỏ

Võ giỏi rồi ra cũng bạc đầu (Chán đời)

Do đó, trong những cách lựa chọn, ông chỉ muốn an phận, an bản mà vui với đạo, theo lời dạy của các bậc tiên Nho:

Áo cơm xong phận theo ngày tháng

Ruột đặng như vẩy rứa cũng tiên (An phận)

Với tư cách một nhà nho, ông đã rất tự hào về cuộc sống thanh bản, lạc đạo của mình. Hai câu thơ có tính chất triết luận sau biểu hiện rất rõ nhân sinh quan của Nguyễn Diêu:

Vui là vui với bá tòng là bầu bạn, đôi no kinh sử cũng thỏa lòng.

Đường lợi danh trời kẻ ước mong, trường đạo lý thời ta nông nã. (Hàn sĩ vịnh)

Có thể nói, hơn ai khác, Đào Mộng Mai là người hiểu rõ thầy mình nhất. Ông biết, cụ Tú không phải vì chán đời, vì an phận mà ông tách rời hẳn cuộc đời. Không chỉ trăn trở với thời cuộc, đôi khi Nguyễn Diêu cũng phóng bút, trào lộng. Trong bài *Con muỗi*, ông ví bọn tham quan như những con muỗi chuyên hút máu và nguyện trở thành chiếc quạt bằng tiêu để đập chết bọn chúng:

Băng tiêu quạt nọ trời cho mổ

Ra sức đập mày cũng chết queo (Con muỗi)

Từ những câu chuyện dã sử và giai thoại, dạo qua vườn văn của cụ Tú, chúng ta vẫn thấy đọng lại trong lòng mỗi hoài cảm của một bậc xử sĩ đậm chất lãng tử ngạo nghễ trong Nho lâm. Có thể nói, cuộc đời và cách hành xử của ông đã để lại cho hậu thế khá nhiều những bài học về nhân sinh trân quý.

2.2. Nguyễn Diêu – Nhà soạn tuồng xuất sắc của Bình Định

Nghiên cứu về những đặc sắc của tuồng Đào Tấn, thật thiếu sót khi không nói đến sự ảnh hưởng sâu sắc của cụ Tú Nhơn Ân - Nguyễn Diêu, người thầy đáng kính mà Đào Tấn luôn tôn sùng. Ông chịu ảnh hưởng của Quỳnh phủ Nguyễn Diêu ở nhiều mặt, cả về đạo đức, học vấn lẫn phong cách sáng tác. Suốt cuộc đời mình, ông luôn nhớ đến công ơn thầy, làm nhiều thơ văn nói về người thầy kính yêu của mình và trong tuồng Đào Tấn cũng thấy phảng phất triết lý, tư tưởng của Nguyễn Diêu ở đó.

Cụ Tú Nhơn Ân nổi tiếng với các vở tuồng *Ngũ hổ bình Liêu*, *Liệu đố*, *Võ Tam Tư trăm Nguyệt Cô*,... Qua các vở tuồng này, ta thấy Nguyễn Diêu có một bản lĩnh sáng tác thật đáng kính nể. Đó là khả năng Việt hóa sâu sắc các cốt truyện Trung Hoa theo truyền thống văn hóa người Việt, từ ý thức tư tưởng đến lời ăn tiếng nói và hành động. Nhân vật đều là những nhân vật trong lịch sử Trung Hoa nhưng cốt truyện, tình tiết kịch lại là những sự kiện trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người Việt như: chuyện tình yêu, chuyện ghen tuông, chuyện mẹ chồng nàng dâu,... Chính vì vậy, tuồng của cụ Tú Nhơn Ân rất gần gũi và thân thuộc với người dân Bình Định và trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa quần chúng ngày trước. Phong cách sáng tác của Quỳnh Phủ tiên sinh đã tạo nên những dấu ấn không nhỏ trong sáng tác tuồng của Đào Tấn sau này. Chính sự cách tân về nội dung trong tuồng Nguyễn Diêu đã góp phần tạo nên sự đổi mới toàn diện và triệt để về mọi mặt: nội dung tư tưởng, đề tài chủ đề, kết cấu, nhân vật, ngôn ngữ,... Nguyễn Diêu đặt nền móng cho sự cách tân còn Đào Tấn thực hiện việc “thay da đổi thịt” cho nghệ thuật tuồng Bình Định. Nó cách khác, cùng với Đào Tấn, Nguyễn Diêu đã tạo nên một phong cách đặc trưng của khu vực Nam Trung Bộ - phong cách tuồng Bình Định.

Trong hội thảo về Nguyễn Diêu tại Bình Định, có nhà nghiên cứu đã ví Nguyễn Diêu như một ngọn Tháp Đôi vốn đẹp đẽ nhưng lâu nay bị khuất lấp, bây giờ hiện ra lộng lẫy choáng ngợp (Nguyễn Thụy Kha, 2012). Từ góc độ lịch sử nghệ thuật tuồng, chúng ta có thể khẳng định, Nguyễn Diêu và Đào Tấn là “tuyệt đại song hùng” của làng tuồng Bình Định. Đối với Nguyễn Diêu, ông được nhiều người biết đến là nhờ ở những vở tuồng kinh điển mà ông đã để lại cho hậu thế. Đặc biệt, *Ngũ hổ bình Tây* được xem là một trong những vở tuồng cổ hay nhất, được lưu truyền, được dàn dựng và biểu diễn qua nhiều thời đại. Nếu *Ngũ hổ bình Tây* mang chủ đề trung, hiếu, tiết, nghĩa thì *Chém cáo* lại thể những đối thoại văn hoá, nhân văn sâu sắc. Với *Liệu đổ*, tư tưởng nhân văn không chỉ được tiếp nối mà còn thể hiện những đổi mới nghệ thuật tuồng dân gian, mang lại những tiếng cười, những suy tư và trải nghiệm về cuộc sống vợ chồng trong môi trường văn hoá Nho giáo.

Từ cuộc sống thanh bạch, mẫu mực, Nguyễn Diêu đã thể hiện phong thái của bậc hàn Nho thời loạn thế. Chẳng những thế, qua một số vở tuồng còn lưu truyền, hậu thế còn cảm nhận ở cụ Tú Nhơn Ân là một nghệ sĩ đa tài, táo bạo. Ông không chỉ tạo nên những dấu ấn đậm nét trong tiến trình lịch sử nghệ thuật tuồng Nam Trung Bộ, mà còn kiến tạo nên một phong cách tuồng đặc biệt – phong cách Bình Định mà người học trò Đào Tấn của ông là một tác gia tiêu biểu.

2.3. Giới thiệu vở tuồng *Liệu đổ* (chữa bệnh ghen)

Liệu đổ là một trong những vở tuồng còn sót lại của cụ Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu. Vở tuồng này đã được nhiều thế hệ nghệ sĩ biểu diễn. Qua khảo cứu, chúng tôi nhận thấy tuy được sáng tác bằng chữ Nôm nhưng lại xen lẫn khá nhiều câu chữ Hán, nhiều điển cố, những câu chữ được trích dẫn từ Tứ thư, Ngũ kinh. Do đó, tính chất bác học và văn hoá của vở tuồng rất cao. Có thể nói, *Liệu đổ* là một vở tuồng hay, và là vốn quý của kho tàng nghệ thuật tuồng Bình Định cần được gìn giữ.

Liệu đổ bắt đầu bằng cảnh vợ chồng chàng cử nhân Châu Anh người thôn Bạch Lãnh bàn nhau về cuộc thi hội do nhà vua triệu tập. Người vợ, nàng Ngọc Mai, nói với Châu Anh rằng đỗ cử nhân là đủ rồi, cứ yên tâm ở quê nhà *nhủ ba thằng con nít* là tốt rồi, chẳng nên tham công danh phú quý nữa. Điều Ngọc Mai lo lắng nhất là chồng nàng: *Những muốn ông tiến sĩ/những muốn ông thám hoa/ức làm quan làm gia* chỉ để *kiếm hầu xinh hầu tốt* nên nàng nài nỉ chồng làm đơn xin khỏi thi, tốn kém gì nàng sẽ lo liệu. Châu Anh bàn với Ngọc Mai rằng nếu làm thế, dễ mắc tội khi quân, hãy để chàng tiếp tục: *Tang bổng, dầu trả nợ nam nhi/Kỳ biểu cũng rạng nơi cố lý*. Không ngăn cản được cái mộng công danh của chồng, Ngọc Mai đành để chồng ra đi nhưng căn dặn Châu Anh phải tránh xa chuyện trăng hoa kẻ sẽ: *Chẳng hư nhiều, hư ít/cũng nát cửa nát nhà*.

Châu Anh cùng hể đồng lên đường tới kinh thành. Giữa đường, hai thầy trò gặp băng cướp của hai anh em Hắc Sát, Bạch Hoạch. May nhờ cha con Thạch Nghị - Kim Liên chặn đánh băng cướp, họ chạy thoát và chẳng biết trời xui đất khiến thế nào mà Châu Anh lại chạy thẳng vào buồng ngủ của Kim Liên để ẩn nấp. Kim Liên vốn là một thiếu nữ tài sắc *tuy nhận nhạo tin ong sứ điệp* nhưng *chưa vấn vương mối chỉ đường tơ* khiến hai cha con nàng lâm vào tình cảnh: *Cha đầu bạc bóng dâu hầu xế/Con má hồng cầu thước chửa sang*. Trước hóm hỉnh cờ gặp Châu Anh, Kim Liên đã chiêm bao thấy: *Cọp yếm trở thành giắc mộng/Rồng con xuất hiện canh ba* và đã kể cho Thạch Nghị nghe, Thạch Nghị đoán rằng đây là giấc mộng báo trước Kim Liên sắp lấy được người chồng danh giá. Nay lại có chuyện chàng cống sĩ đậu khoa Nhâm Dần chạy trốn cướp vào ngay phòng ngủ kín bưng của con mình, Thạch Nghị cho đây đích thị là duyên

số trời ban nên dù Châu Anh trần tình đã có vợ ở quê nhà Thạch Nghị vẫn ngỏ lời gả Kim Liên cho chàng. Từ lời đề nghị khá khéo léo khiến Châu Anh hết đường từ chối đành chấp nhận kết duyên cầm sắt cùng Kim Liên để *Trăm năm dầu đọng chữ thành thân/Muôn kiếp nguyện ghi lòng báo nghĩa*. Sau khi kiếm được rể quý cho con, Thạch Nghị đã đích thân hộ tống Châu Anh tới kinh ứng thí.

Ngọc Mai ở nhà bật tin chồng quá lâu, đã rất héo hon sầu nhớ, vốn *ghen tuông đã sẵn tính trời* lại thêm lời khích bác ác ý của những kẻ chuyên ngồi lê đòi mách như mụ Bảy Nhận lảng giềng rằng chồng nàng đã kiếm được *vợ nhỏ hầu non* chốn kinh thành nên hóa điên hóa dại rồi quyết ra đi tìm chồng để đánh ghen cho bỏ tức. Trên đường, Ngọc Mai lại gặp băng cướp Hắc Sát, Bạch Hoạch và bị chúng bắt. Trước đó, khi Thạch Nghị đưa Châu Anh ra kinh, thừa cơ Kim Liên ở nhà một mình, băng cướp này đã quay lại trả thù gia đình nàng. Vì thân cô, thế cô, Kim Liên cũng đã bị chúng bắt. Thế là Ngọc Mai và Kim Liên tình cờ gặp nhau trong nhà ngục của băng cướp và qua câu chuyện tâm tình của những người cùng cảnh ngộ hai người bất ngờ nhận ra là họ cùng có chung một người chồng. Trước sự phân trần của Kim Liên về cái “duyên trời” giúp nàng được gặp, kết nghĩa đá vàng cùng Châu Anh và xin Ngọc Mai xá tội, sẽ tìm cách cứu Ngọc Mai để đáp đền ân nghĩa. Ngọc Mai nói với Kim Liên rằng nàng chỉ nhất thời oán trách, chứ thực sự cũng nghĩ Kim Liên vô tội, xin Kim Liên đừng hổ nghi lòng nàng, mong được Kim Liên giúp đỡ cùng nhau vượt qua hoạn nạn. Từ việc Hắc Sát, Bạch Hoạch ngỏ ý muốn cưới Kim Liên và Ngọc Mai, Kim Liên đã lập kế giết chết Bạch Hoạch, đưa Ngọc Mai trốn chạy. Hắc Sát đem lâu la đuổi theo quyết truy bắt hai người. May vừa lúc Thạch Nghị trở về từ kinh thành, ông đã kịp thời chặn đánh băng cướp, giết chết nốt tướng cướp Hắc Sát.

Hoạn nạn đã qua, Ngọc Mai được đưa về sống chung với cha con Kim Liên với nỗi dằn vặt khôn nguôi về cái tình cảnh trở trêu của mình. Từ đó, Ngọc Mai đổ bệnh ngày càng nặng, Kim Liên đã tận tình lo lắng thuốc thang chăm sóc cứu chữa cho Ngọc Mai bất chấp việc Ngọc Mai vì không kìm được hờn ghen mà luôn xua đẩy xa lánh nàng. Đến khi Ngọc Mai lâm cơn thập tử nhất sinh, trong tình cảnh *Mộng quý đã nên chứng dữ/Trường sanh khôn chạy thuốc thang*. Kim Liên đã cắt lấy máu mình hòa thuốc rồi vái phật tiên trời đất cùng mình cứu sống Ngọc Mai. Qua cơn hiểm nghèo, tuy biết nhờ Kim Liên mà mình được tái sinh, nhưng Ngọc Mai vẫn chưa thôi hận hực, nàng vẫn *Vòng hoạn nạn đã an một kiếp/Nhưng đường tử sinh chưa quyết hai bề* và Đường thị phi hai nẻo gặp ghềnh/Điều hư thiệt một lòng nghi ngại. Mãi cho đến khi Ngọc Hoàng thượng đế quá bất bình vì Ngọc Mai cứ *Giữ một mực ghen tương/không biết đường phải trái* toan cử Thiên Lô xuống đánh chết nhưng nhờ Nam Tào can gián mới sai Thổ Địa xuống Diêm La bắt hồn mẹ Ngọc Mai là bà Kim Cảnh hiện về hết lời khuyên giải, la rầy chỉ cho Ngọc Mai thấy: *Ơn nó quý hơn vàng/Tình mày đà quá bạc*, Ngọc Mai mới thực sự tỉnh ngộ.

Gặp lại Kim Liên, Ngọc Mai chân thành bày tỏ lòng biết ơn với Kim Liên. Khi Kim Liên trở dạ muốn sinh, Ngọc Mai lại hết lòng phò trì Kim Liên vượt cạn, sinh được một con trai đầu lòng tuyệt đẹp. Cuối cùng, Ngọc Mai ngỏ lời mời cha con Thạch Nghị, Kim Liên về lại Bạch Lãnh chung sống chờ Châu Anh vinh quy bái tổ để cho nàng được *Ngõ đáp đền ơn nợ nghĩa kia/Cho vẹn đạo cha đầu con đó*. Cả ba người lên đường về Bạch Lãnh thôn trong câu hát nam của Thạch Nghị: *Cho hay giải cấu là duyên/Chị hòa em thuận phỉ nguyện cùng nhau*.

3. Hệ thống ngữ liệu trong ngôn ngữ tuồng Liệt đổ

3.1. Quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Diêu và văn bản tuồng Liệt đổ

Nguyễn Diêu là một nhà nghệ sĩ, quan niệm của ông về văn hóa - thẩm mỹ trong ngôn ngữ diễn đạt của tuồng Nôm cũng có sự dịch chuyển. Từ góc nhìn văn hóa, hệ thống từ ngữ

trong sáng tác Nôm của Quỳnh Phủ thiên về khuynh hướng kết hợp hài hoà hai luồng thẩm mỹ Hán và Việt, bác học và bình dân, quy phạm và phá vỡ quy phạm với sự vận dụng thường xuyên hệ thống ngữ liệu văn hóa một cách thần tình, nhuần nhuyễn và độc đáo.

Ở giai đoạn sau, đặc biệt sau khi các vở tuồng kinh điển của ông đã được lưu hành, người ta bắt gặp ở đó là một dạt sĩ sống hòa mình giữa thiên nhiên thôn quê và cuộc sống của nhân dân lao động, ông nghiêng về khuynh hướng thẩm mỹ bình dân với những chủ đề rất dân dã mà *Liệu đổ* là minh chứng thông qua việc tăng cường sử dụng hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân trong các sáng tác. Là một tác giả lớn của văn học Bình Định thời trung đại, sáng tác Nguyễn Diêu đã được ghi nhận trong một số tài liệu do hậu thế sưu tầm, biên soạn, ghi chép, in ấn. Tuy nhiên, *Liệu đổ* là một bộ tuồng Nôm khá lý thú, được sử dụng để công diễn, tư diễn khá nhiều nơi trên địa bàn miền Trung và Bình Định.

Cụ Quỳnh Phủ rất “kín đáo” trong việc phát ngôn về quan niệm nghệ thuật của cá nhân. Quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của nhà thơ được giấu kín qua hệ thống các ngữ liệu văn hóa mà ông đã sử dụng trong tác phẩm của mình. Tiến hành khảo sát ngôn ngữ trong vở tuồng *Liệu đổ*, chúng tôi dựa vào cơ sở khảo sát đầu tiên là đặc trưng văn hóa trong ngôn ngữ văn học Nôm thời trung đại. Có thể nói, ngôn ngữ văn hoá trong các tác phẩm Nôm của Nguyễn Diêu và vở *Liệu đổ* mang trong mình những dấu vết văn hóa, là biểu hiện sinh động của truyền thống văn hóa dân tộc. Qua sáng tác này, chúng ta có thể phục dựng lại những nét cơ bản về không gian văn hóa thời trung đại cũng như đời sống văn hóa người con người Bình Định xưa.

Theo ghi nhận của Vũ Ngọc Liễn (2011) tại tác phẩm *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu – Ông đồ nghệ sĩ*, hiện nay một số tác phẩm của cụ Quỳnh Phủ vẫn còn được lưu trữ ở tư gia và thư viện nhà hát tuồng Đào Tấn. Về văn bản tuồng *Liệu đổ*, nó có số phận khá hẩm hiu, trước và sau năm 1945, các nghệ sĩ chủ yếu diễn những lớp, trích đoạn tác phẩm theo trích nhớ của một số nhà Nho cao niên ở địa phương. Từ năm 1980, một số nhà nghiên cứu đã bắt đầu quan tâm đến văn bản tuồng *Liệu đổ* và nó đã được phiên âm chữ quốc ngữ. Tính đến nay (2020), đã có 02 bản phiên âm được công bố, giới thiệu:

1. Bản đầu tiên do cụ Phan Hiền phiên âm, Vũ Ngọc Liễn chú giải. Bản này thực tế đã hoàn thành từ năm 1981 và chỉ lưu truyền trong giới nghệ sĩ biểu diễn. Đến năm 2011, nó được công bố trong công trình *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu – Ông đồ nghệ sĩ* do Nhà xuất bản Sân khấu ấn hành. Bản này có dung lượng 140 trang sách, bao gồm cả phần chú thích.

2. Bản thứ hai do Huỳnh Chương Hưng và Võ Minh Hải phiên âm, hiệu đính và chú giải ngữ liệu Hán Nôm, chưa được xuất bản. Trên cơ sở đối chiếu bản Nôm do nhóm tác giả sưu tầm và bản quốc ngữ do cụ Phan Hiền phiên âm mà Vũ Ngọc Liễn đã cung cấp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành hiệu đính bản quốc ngữ đã được công bố, nhằm mục đích phát huy giá trị và ghi nhận công lao của cụ Phan Hiền đối với lịch sử nghiên cứu Nguyễn Diêu. Bản chú giải này được hoàn thành năm 2013, dung lượng 120 trang A4, bao gồm phần chú thích điển cố, từ địa phương và phục nguyên các thành ngữ Hán văn. Ưu điểm của bản thứ hai này được thể hiện ở sự khảo sát và đối chiếu trực tiếp từ bản Nôm do nhóm nghiên cứu Hán Nôm Bình Định sưu tầm được trong quá trình diễn dã tại Tuy Phước năm 2010 (Huỳnh Chương Hưng, Võ Minh Hải, 2015).

3.2. Một số nhận xét về ngữ liệu văn hoá trong tuồng *Liệu đổ*

Trên cơ sở thống kê, phân loại hệ thống ngữ liệu văn hóa trong tuồng *Liệu đổ*, qua số lượng, mật độ và sự phân loại của các tiểu loại ngữ liệu văn hóa, có thể thấy được phần nào nghệ thuật sử dụng ngữ liệu văn hóa của Nguyễn Diêu. Cụ thể như sau:

Về số lượng ngữ liệu văn hóa, với 248 lượt ngữ liệu trong toàn bộ văn bản, trong tương quan với ngôn ngữ tổng Nôm một số tác giả như Nguyễn Hiền Dĩnh, Đào Tấn,..., mật độ ngữ liệu văn hóa trong *Liệu đổ* là tương đối phong phú. Điều này nói lên rằng, ngôn ngữ trong tổng *Liệu đổ* in đậm dấu ấn văn hóa. Văn hóa là một đặc trưng trong phong cách ngôn ngữ nghệ thuật tác phẩm *Liệu đổ* của Nguyễn Diêu.

Về hình thức ngôn ngữ của ngữ liệu văn hóa, ngữ liệu văn hóa được sử dụng trong tổng Nôm *Liệu đổ* có đầy đủ ba thành phần như đặc trưng chung của ngữ liệu văn hóa trong thơ Nôm. Đó là các thành phần ngữ liệu thuần Việt, ngữ liệu Hán Việt và ngữ liệu bán Hán Việt. Trong ngôn ngữ tổng *Liệu đổ*, ngữ liệu bán Hán Việt chiếm tỷ lệ cao nhất với 42,7% trong số 248 ngữ liệu văn hóa. Hiện tượng này phần nào nói lên rằng ở ngôn ngữ tác phẩm này có sự dung hòa, tích hợp đậm nét hai luồng văn hóa bác học và bình dân. Bên cạnh đó, nhiều ngữ liệu Hán Việt có nguồn gốc văn hóa Hán học được nhà thơ chuyển dịch sang bán Hán Việt (như ngữ liệu Hán học “nhô lâm” được chuyển dịch thành ngữ liệu bán Hán Việt “rừng nho”, “tam quân” chuyển dịch thành “ba quân”), thậm chí thuần Việt (như ngữ liệu thuần Việt “bể dâu” được rút gọn và chuyển dịch từ thành ngữ Hán học “thương hải tang điền”, “cuộc trăm năm” được rút gọn, chuyển dịch từ “nhân sinh bách niên vi kỳ”,...). Điều này phản ánh phần nào khuynh hướng khước từ dần ảnh hưởng của văn hóa Hán học, đồng thời tìm về với truyền thống văn hóa dân tộc của vở tuồng đặc sắc này. Trong các thành phần còn lại, ngữ liệu thuần Việt chiếm tỷ lệ thấp hơn cả với 49 ngữ liệu, chiếm 19,8% trong tổng số 248 ngữ liệu. Ngữ liệu Hán Việt chiếm tỷ lệ lớn thứ hai sau ngữ liệu bán Hán Việt, với 93 đơn vị, chiếm 37,5%.

So với một số tác phẩm của Nguyễn Hiền Dĩnh và Đào Tấn - hai soạn giả tiêu biểu của bộ môn nghệ thuật tuồng khu vực Nam Trung Bộ, khuynh hướng kế thừa và đề cao giá trị văn hóa dân tộc, hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân trong *Liệu Đổ* có phần ít hơn. Tuy nhiên, trong tình hình chung là áp lực còn rất lớn của ngữ liệu Hán Việt đối với văn học tuồng Nôm thời trung đại, tổng *Liệu đổ* của Nguyễn Diêu là một trong những sáng tác có tỷ lệ ngữ liệu văn hóa thuần Việt và ngữ liệu bán Hán Việt chuyển dịch cao (155/248 ngữ liệu, chiếm 62,5%). Tỷ lệ này đã thể hiện khuynh hướng sáng tác của những tác giả đã cố gắng hạn chế, thoát ly dần sự tác động của văn hóa Hán bằng cách sử dụng có chọn lọc và tích cực tìm về, học tập, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa nội sinh của dân tộc.

Xét về phong cách văn hóa, ngữ liệu văn hóa trong ngôn ngữ vở *Liệu đổ* mang cả hai phong cách bác học và bình dân. Hiện tượng này một mặt bắt nguồn từ truyền thống của thơ Nôm trung đại, đồng thời, chịu ảnh hưởng đậm nét từ cuộc đời và phong cách của soạn giả. Nguyễn Diêu vừa là một hàn sĩ, bậc túc nho, thông lầu kinh sử, am tường văn hóa Hán học lại vừa là người sống gần gũi với người dân lao động, gắn bó với nông thôn, sành sỏi tiếng Việt, hiểu biết về truyền thống văn hóa của dân tộc. Hai phong cách văn hóa trong con người Quỳnh Phủ để lại dấu ấn rõ nét trong thơ văn của ông, đặc biệt là trong ngôn ngữ tuồng thời trung đại Việt Nam.

Trong hai phong cách, ngữ liệu văn hóa mang phong cách bác học chiếm tỷ lệ lớn trong tổng *Liệu đổ*, có 193/248 ngữ liệu là ngữ liệu bác học, chiếm tỷ lệ 77,8%. Dẫn đến hiện tượng này, theo chúng tôi, là bởi dấu ấn văn hóa bác học trong ngôn ngữ tuồng Quỳnh Phủ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ con người và phong cách thi nhân của Nguyễn Diêu. Ngữ liệu văn hóa bình dân trong vở *Liệu đổ* có tỷ lệ thấp hơn với 55 ngữ liệu, chiếm 22,2% trong tổng số 248 ngữ liệu văn hóa thống kê được. Tuy nhiên, sự gia tăng về thành ngữ, tục ngữ, phương ngữ, khẩu ngữ, tiếng lóng, từ ngữ xã hội,... với số lượng tương đối lớn vào ngôn ngữ tuồng *Liệu đổ* là một

hiện tượng thú vị, có ý nghĩa nhất định đối với khuynh hướng tìm về cội nguồn văn hóa dân tộc của tuồng Nôm Bình Định.

Ngoại trừ điển cố, thi liệu và từ ngữ xã hội Hán học, các bộ phận còn lại trong hệ thống ngữ liệu văn hóa trong *Liệu đổ* có tỷ lệ khá tương đồng. Việc hạn chế sử dụng điển cố, thi liệu Hán học, đồng thời tăng cường sử dụng thành ngữ, ca dao, thành ngữ, khẩu ngữ đã góp phần làm cho ngôn ngữ Nôm trong *Liệu đổ* của Nguyễn Quỳnh Phủ ngày càng trở nên mềm mại, uyển chuyển, gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động, đóng góp nhất định đối với sự phát triển của tiếng Việt văn chương ở thời trung đại. Từ góc nhìn văn hóa, ngữ liệu văn hóa trong bản tuồng *Liệu đổ* của Nguyễn Diêu đã gián tiếp thể hiện ít nhiều quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của thi nhân trong các sáng tác của mình. Khuynh hướng lựa chọn, sử dụng từng hệ thống ngữ liệu văn hóa cho thấy các phương diện cơ bản trong quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của nhà thơ. Việc sử dụng có chủ đích hệ thống ngữ liệu văn hóa bác học cho thấy ở tác giả quan niệm về mẫu người nhà nho lí tưởng; quan niệm về cái đẹp văn hóa mang tính trang trọng, mực thước, tao nhã, uyên bác vốn chịu sự chi phối của văn hóa Nho giáo. Ngược lại, việc ưu tiên sử dụng tăng cường hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân thể hiện ở nhà thơ quan niệm về cái đẹp văn hóa mang tính cụ thể, sinh động, chân thực, gần gũi, tươi trẻ, thậm chí tinh nghịch, phá cách; quan niệm về cái hài gắn với sự kịch cỡm, lố lăng vốn chịu ảnh hưởng từ văn hóa bình dân, tiếng cười trào lộng của nhân dân lao động.

Nhìn chung, hai bộ phận ngữ liệu mang phong cách văn hóa bác học và bình dân trong ngôn ngữ tuồng Nôm *Liệu đổ* đã phản ánh ít nhiều về đặc điểm phong cách con người và phong thái văn chương của cụ Tú. Ngôn ngữ tuồng Nôm *Liệu đổ* vừa học tập, kế thừa tinh hoa các giá trị văn hóa bác học (chủ yếu là văn hóa gốc Hán có nguồn gốc ngoại lai) vừa quay về với mạch nguồn văn hóa dân tộc, tiếp thu và phát huy các giá trị văn hóa nội sinh. Đây là điểm độc đáo, đồng thời là nét giá trị của *Liệu đổ* trong tiến trình vận động của văn học tuồng Nôm cổ điển Việt Nam.

4. Giá trị thẩm mỹ của ngôn ngữ văn hoá trong tuồng *Liệu đổ*

4.1. Ngôn ngữ văn hóa bác học với sự thể hiện quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của Nguyễn Diêu trong vở tuồng *Liệu đổ*

Dấu ấn của văn hóa bác học đối với việc hình thành và thể hiện quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của Nguyễn Diêu trong ngôn ngữ vở *Liệu đổ* được thể hiện qua phương diện hình thức nghệ thuật của tác phẩm, chủ yếu là ngôn từ. Nhà thơ ưu tiên lựa chọn lớp từ mực thước, trù tượng, cổ kính, trang nhã. Điều này lí giải vì sao lớp ngữ liệu văn hóa bác học được nhà thơ huy động sử dụng với số lượng rất lớn trong các tác phẩm văn học Nôm.

Kết quả thống kê cho thấy, ngữ liệu văn hóa bác học trong *Liệu đổ* của Nguyễn Diêu chiếm tỷ lệ cao nhất với 77,8% trong tổng số 248 ngữ liệu, được sử dụng với nhiều hình thức đa dạng (kinh sử, điển cố thi liệu, nhân danh địa danh, từ ngữ xã hội Hán học; nguyên dạng và chuyển dịch; Hán Việt, bán Hán Việt và cả thuần Việt). Rõ ràng, nhà thơ sử dụng ngữ liệu văn hóa bác học một cách có chủ đích. Là bậc túc nho, Nguyễn Diêu hiểu rõ bản chất và giá trị của bộ phận ngữ liệu văn hóa này (tính hàm súc, trang trọng, thanh nhã). Cộng với đó là tài năng sử dụng ngôn ngữ của thi nhân. Các ngữ liệu văn hóa bác học vào tay ông đều trở nên đặc địa, nhiều trường hợp trở thành “thần cú nhãn tự” của tác phẩm, phát huy tối đa giá trị biểu cảm, thẩm mỹ và văn hóa của chúng. Có thể thấy rõ điều này qua những đoạn trích hay trong vở tuồng tài danh mà Nguyễn Diêu chủ động huy động sử dụng một lượng lớn ngữ liệu văn hóa bác học như:

- Sử dụng nhiều điển cố, thi liệu (65 đơn vị):

“Đê mê Nam phố Lục ba

Áo nào Dương xuân biệt điệu

Đồng xướng: Đắc ý xuân phong trực mã đề

Tương tương nam bắc các đê mê

Giá phiên tống biệt vô tha thoại

Duy vọng ngao đầu tánh tự đề”

- Sử dụng nhiều từ ngữ xã hội Hán học (76 đơn vị):

(Hát vãn) Uyên ương ngọc quý trao tay

Xin phu quân nhớ lấy nghe:

“Dặn lòng xin chớ lãng xao tắc lòng,

Châu Anh: (Vãn) Đường đời trải nẻo tây đông.

Ơi em ơi Phòng loan mỗi mắt đợi trông ngày ngày,

Phu nơn đà trở lại cổ hương

Âu là Sư đệ kíp bước qua kinh địa

(Hát loạn) Sách mã phiên phiên khí thế hào

Kiều chiêm để khuyết nhật luân cao...

Với việc được sử dụng với tần số cao trong các đoạn ca vãn, xướng, các lớp ngữ liệu văn hóa bác học đã phát huy tối đa tác dụng của chúng trong việc kiến tạo nên lớp ngôn từ giàu tính bác học, hàn lâm đồng thời trang nghiêm, thanh nhã. Có thể nói, trên phương diện hình thức, hệ thống ngữ liệu văn hóa bác học đã góp phần thể hiện ở Nguyễn Diêu quan niệm văn hóa - thẩm mỹ. Đó là quan niệm về cái đẹp gắn với sự trang trọng, cao nhã, hài hòa, đấng đối, mực thước, uyên bác. Cố nhiên, đó không phải là cái đẹp của sự học hiêm, cầu kì, gia công đẽo gọt. Đa số ngữ liệu văn hóa bác học trong tuồng *Liệu đổ* đều dễ hiểu, được chuyển dịch và Việt hóa tối đa nói lên điều này.

4.2. Ngữ liệu văn hóa bình dân với sự thể hiện quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của Nguyễn Diêu trong vở tuồng *Liệu đổ*

Xét từ nguồn gốc nội sinh từ truyền thống văn hóa của dân tộc, ngữ liệu văn hóa bình dân mang trong mình nhiều đặc điểm như tính cụ thể, sinh động, gần gũi với hiện thực cuộc sống và tâm thức người Việt, khả năng cực tả, khả năng tạo hình, biểu cảm cao. Khi được sử dụng tăng cường một cách chủ động, linh hoạt và đúng chỗ, hệ thống ngữ liệu văn hóa này sẽ phát huy được các giá trị tự thân, mang đến cho tác phẩm những hiệu ứng thẩm mỹ độc đáo, bất ngờ, thú vị. Bằng tài năng và nhãn quan ngôn ngữ tuyệt vời của mình, Nguyễn Diêu biết cách lợi dụng các đặc tính quan trọng trên của hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân để thể hiện các ý đồ nghệ thuật, thông qua đó ít nhiều nói lên quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của mình. Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà trong tuồng *Nôm Liệu đổ* của ông, các bộ phận của ngữ liệu văn hóa bình dân có số lượng khá lớn, xuất hiện với tần suất khá cao. Ví dụ:

- Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao (ở nguyên dạng hoặc biến dạng):

Kim Liên:

Thạch Nghị vốn cha già,

Kim Liên là tên thiếp

Tuy nhận nhạo tin ong sứ điệp
 Chưa vấn vương mối chỉ đường tơ
 Chẳng biết khi dòng nước rơi thơ
 Có gặp đấng trông bản sê hay chẳng?

- Sử dụng nhiều tiếng lóng, khẩu ngữ :

Thạch Nghị: Bớ con Con đừng biện bạch

Nó thật còn đồ

Con chó "thủ nhọn dĩ mạo" mà lâm, xưa nay thường là

Mặt giống học trò

Nhưng mà Bộ giò ăn cắp đó con

Để cha cho một đạp

Đặng nó mất ba hồn đi cho rồi

Rõ ràng, sự xuất hiện với tần số khá cao của hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân đã mang đến cho ngôn ngữ Nôm trong *Liệu đổ* nét sinh động, khỏe khoắn, chân thực, cụ thể, giàu hình ảnh và biểu cảm. Với hệ thống ngữ liệu văn hóa này, hình tượng trong các nhân vật trong tuồng của ông trở nên sống động, gần gũi hơn. Về đẹp văn hóa trong tuồng Nôm Nguyễn Diêu cũng hiện lên cụ thể, rõ nét hơn. Ngôn ngữ của các nhân vật tiêu biểu trong tuồng *Liệu đổ* của ông như *Kim Liên, Thạch Nghị, Ngọc Mai, Châu Anh, Hề đông,...* rất tiêu biểu cho điều này. Bên cạnh quan niệm về cái đẹp gắn với sự trong sáng, gần gũi, sống động, quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của Nguyễn Diêu còn thể hiện ở cái nhìn trào lộng. Bên cạnh cái đẹp, ông còn nêu ra quan niệm về cái hài. Đó là sự kịch cớm, trơ tráo, sự khập khiễng giữa hình thức và nội dung gây phản cảm. Trong lời thoại của một số nhân vật, yếu tố được ông sử dụng nhiều ngữ liệu văn hóa bình dân, đặc biệt là lớp khẩu ngữ, tiếng lóng như "trò trẹt chi bay", "nực cười", "đếch", "mẹ mày", "khá khen thay", "cũng thế a",... nhằm tăng cường khả năng tạo tiếng cười. Và nhà thơ thật sự thành công với lối đi này. Bởi như đã biết, với các đặc tính giàu khả năng miêu tả và biểu cảm, sinh động, linh hoạt, gần gũi, thậm chí suồng sã, thông tục, lớp ngữ liệu văn hóa bình dân tỏ ra phù hợp với chức năng trào phúng, có tác dụng lớn trong việc gây cười. Có thể nói, từ góc nhìn văn hóa, có thể thấy rằng, quan niệm văn hóa - thẩm mỹ về cái hài của Nguyễn Diêu chịu ảnh hưởng từ tiếng cười trào tiếu dân gian của các pho tuồng đồ nổi tiếng đất Bình Định. Sự phóng chiếu của sự ảnh hưởng này được thể hiện rõ nét qua hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân mà cụ Quỳnh Phủ đã sử dụng.

Nghiên cứu hệ thống ngữ liệu trong *Liệu đổ* dưới góc nhìn văn hóa mang đến cho chúng ta những bất ngờ thú vị. Từ góc nhìn văn hóa, ta có thể tìm hiểu quan niệm văn hóa - thẩm mỹ của soạn giả Nguyễn Diêu thông qua hệ thống ngữ liệu văn hóa mà ông đã sử dụng trong các tác phẩm. Cũng từ góc nhìn này, có thể thấy được tính triết luận văn hóa trong ngôn ngữ tuồng Nguyễn Diêu trên hai bình diện: văn hóa dân tộc và văn hóa ngoại lai. Với vấn đề tiếp nhận, lan tỏa và ảnh hưởng của tuồng Nôm Nguyễn Diêu nói chung và *Liệu đổ* nói riêng trên hai phương diện sáng tác và nghiên cứu, phê bình, hướng nghiên cứu văn hóa sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn giá trị làm nên sức hấp dẫn, lan tỏa của ngôn ngữ đặc sắc của vở *Liệu đổ*. Có thể nói, giá trị văn hóa hàm chứa bên trong các hệ thống ngữ liệu văn hóa được sử dụng một cách linh hoạt, nhuần nhuyễn và sáng tạo là một trong những tiền đề quan trọng giúp cho ngôn ngữ tuồng Nôm *Liệu đổ* có sức sống lâu bền trong lòng khán thính giả và trong tiến trình vận động, phát triển của tuồng Nôm Việt Nam.

5. Kết luận

Trong *Liệu đố*, Nguyễn Diêu đã sử dụng các hệ thống ngữ liệu văn hóa (bác học và bình dân) một cách có ý đồ nghệ thuật, chính xác, linh hoạt và sáng tạo. Nhà soạn tuồng của chúng ta với vốn văn hóa sâu rộng, nhân quan văn hóa tinh tường cùng với biệt tài sử dụng ngôn ngữ đã biết sử dụng các hệ thống ngữ liệu văn hóa đúng lúc đúng chỗ, khai thác được tối đa giá trị của từng hệ thống ngữ liệu, đem đến cho ngôn ngữ thơ những giá trị độc đáo, sâu sắc.

Hệ thống ngữ liệu văn hóa đã giúp nhà thơ thể hiện những quan niệm thẩm mỹ - văn hóa của cá nhân. Ngữ liệu văn hóa bác học đã thể hiện quan niệm về cái đẹp văn hóa với tính chất hài hòa, cân xứng, đăng đối, trang trọng, mực thước, tao nhã trong ý thức thẩm mỹ của Nguyễn Diêu. Trong khi đó, ngữ liệu văn hóa bình dân lại bộc lộ rõ ý thức về cái đẹp văn hóa với tính chất cụ thể, chân thực, chi tiết, sinh động, tươi trẻ, gần gũi, giản dị của nhà soạn tuồng. Quan niệm thẩm mỹ - văn hóa này được tác giả thể hiện hết sức kín đáo. Nếu không bởi con đường tiếp cận dưới góc độ văn hóa, sẽ rất khó để nhận ra.

Bên cạnh đó, ngữ liệu bác học và bình dân còn thể hiện chiều sâu và tính triết luận văn hóa ngôn ngữ tuồng Nguyễn Diêu. Hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân góp phần quan trọng vào việc thể hiện sự chính xác, cái nhìn sâu sắc, tính triết luận khi nhà thơ đề cập đến các vấn đề của văn hóa truyền thống của dân tộc như phong tục, tập quán, lễ hội, văn hóa sinh hoạt, ứng xử. Trong khi đó, ngữ liệu văn hóa bác học lại hỗ trợ đắc lực cho nhà thơ trong việc thể hiện sự chiêm quan, suy ngẫm giàu tính triết luận về các vấn đề của văn hóa ngoại lai (chủ yếu là văn hóa Nho giáo) như tư tưởng, chủ trương của Nho giáo, văn hóa ứng xử, sinh hoạt của nhà nho... Rõ ràng, dưới góc nhìn văn hóa, ta sẽ thấy rõ hai khuynh hướng trong việc lựa chọn, sử dụng ngữ liệu văn hóa của Nguyễn Diêu trong tác phẩm của mình. Qua đó, thấy rõ hơn những chiều sâu, tính triết luận văn hóa trong ngôn ngữ nghệ thuật *Liệu đố*.

Cuối cùng, từ góc nhìn mỹ học tiếp nhận, ngữ liệu văn hóa còn góp phần giải mã những giá trị đặc sắc trong sáng tác của *Liệu đố*. Với những giá trị văn hóa hàm chứa bên trong, ngôn ngữ nghệ thuật *Liệu đố* có điều kiện được lan tỏa rộng rãi, có sức sống lâu bền đối với người đọc, để lại dấu ấn trong các sáng tác của các văn thi sĩ Bình Định và tiếp tục gợi mở, vẫy gọi người nghiên cứu, tiếp nhận qua các thời kì.

Tài liệu tham khảo

- Huỳnh Chương Hưng, Võ Minh Hải. (2015). *Nguyễn Diêu di cao – Liệu đố* (Tư liệu cá nhân).
- Nguyễn Thụy Kha. (2012). Nguyễn Diêu người thầy của danh nhân Đào Tấn. *Kỷ yếu Hội thảo Nguyễn Diêu*. Bình Định.
- Vũ Ngọc Liên. (2011). *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu – Ông đồ nghệ sĩ*. Nxb Sân khấu. Hà Nội.